

Phụ lục

**NỘI DUNG CẢI THIỆN KẾT QUẢ CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH ĐỒNG THÁP NĂM 2023**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh)

Nội dung	Thang điểm	Kết quả năm 2022	Số điểm tăng tối thiểu	Chỉ tiêu thực hiện năm 2023	Nhiệm vụ/giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
<b>Chỉ số PAPI tổng hợp</b>	<b>10-80 điểm</b>	<b>42.15</b>	<b>1.09</b>	<b>43.24</b>			
<b>Chỉ số nội dung 1: Tham gia của người dân ở cấp cơ sở</b>	<b>1-10 điểm</b>	<b>4.33</b>	<b>0.23</b>	<b>4.56</b>			
<b>1.1: Tri thức công dân</b>	<b>0.25-2.5 điểm</b>	<b>0.80</b>	<b>0.16</b>	<b>0.96</b>	Thông tin tuyên truyền đầy đủ các chính sách hiện hành và các vị trí lãnh đạo của địa phương bằng hình thức phù hợp.	UBND cấp huyện, cấp xã	Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp, Sở Nội vụ
Hiểu biết về chính sách hiện hành	0%-100%	39.57%	1%	40.57%			
Hiểu biết về vị trí lãnh đạo	0%-100%	28.78%	10%	38.78%			
<b>1.2: Cơ hội tham gia</b>	<b>0.25-2.5 điểm</b>	<b>1.02</b>	<b>0.04</b>	<b>1.06</b>	<p>- Thông tin để người dân nắm được các quy định về: Quyền cử tri được đi bầu để chọn đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh; tuân thủ đầy đủ các quy định về tổ chức bầu cử, bảo đảm thực hiện nguyên tắc "mỗi người một lá phiếu" giảm thiểu tình trạng bầu hộ, bầu thay; kỳ bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND vào năm 2021, nhiệm kỳ 2021 - 2026; nhiệm kỳ của đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND, trường ấp/khóm là 5 năm; chức danh Chủ tịch UBND cấp xã do HĐND cấp xã bầu; quyền tham gia đóng góp ý kiến xây dựng chính quyền địa phương; tham gia vào quản lý xã hội...</p> <p>- Tạo điều kiện cho người dân tham gia vào các tổ chức chính trị, chính trị-xã hội, đoàn thể, các tổ chức xã hội, hội, nhóm, câu lạc bộ tự lập.</p>	UBND cấp huyện, cấp xã	Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp, Sở Nội vụ
Tham gia vào các tổ chức chính trị, chính trị-xã hội, đoàn thể	0%-100%	29.20%	1%	30.20%			
Tham gia vào các tổ chức xã hội, hội, nhóm, câu lạc bộ tự lập	0%-100%	13.07%	2%	15.07%			
Tỷ lệ người trả lời đã tham gia bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân lần gần đây nhất	0%-100%	42.37%	0	42.37%			
Tỷ lệ người trả lời đã tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội lần gần đây nhất	0%-100%	40.24%	0	40.24%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết trường thôn, ấp, khóm/tổ trưởng tổ dân phố là do dân bầu	0%-100%	73.69%	0	73.69%			
Tỷ lệ người trả lời trực tiếp bầu trường thôn, ấp, khóm/tổ trưởng tổ dân phố	0%-100%	49.79%	0	49.79%			
<b>1.3: Chất lượng bầu cử</b>	<b>0.25-2.5 điểm</b>	<b>1.53</b>	<b>0.01</b>	<b>1.54</b>			
Tỷ lệ người trả lời cho biết có từ hai ứng cử viên trở lên để dân bầu trường thôn, ấp, khóm/tổ trưởng tổ dân phố	0%-100%	39.55%	1%	40.55%			

Nội dung	Thang điểm	Kết quả năm 2022	Số điểm tăng tối thiểu	Chỉ tiêu thực hiện năm 2023	Nhiệm vụ/giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
Tỷ lệ người trả lời cho biết gia đình được mời đi bầu trưởng thôn, ấp, khóm/tổ trưởng tổ dân phố	0%-100%	48.10%	1%	49.10%	Thông tin để người dân nắm được các quy định về: - Phải có từ hai ứng cử viên trở lên để bầu trưởng ấp/khóm; - Cử tri đại diện hộ gia đình trong ấp/khóm đều được mời đi bầu cử; - Việc bầu cử được tổ chức theo hình thức bỏ phiếu kín; - Danh sách người trúng cử trưởng ấp/khóm được niêm yết công khai.	UBND cấp huyện, cấp xã	Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp, Sở Nội vụ
Tỷ lệ người trả lời cho biết hình thức bầu trưởng thôn, ấp, khóm/tổ trưởng tổ dân phố là bỏ phiếu kín	0%-100%	93.48%	1%	94.48%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết kết quả bầu cử trưởng thôn, ấp, khóm/tổ trưởng tổ dân phố được niêm yết công khai	0%-100%	51.49%	1%	52.49%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết chính quyền không gợi ý bầu cho một ứng viên cụ thể	0%-100%	100%	0	100%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết họ đã bầu cho người đã trúng cử	0%-100%	86.24%	0	86.24%			
<b>1.4: Đóng góp tự nguyện</b>	<b>0.25-2.5 điểm</b>	<b>0.99</b>	<b>0.02</b>	<b>1.01</b>	Khi có chủ trương xây dựng mới/tu sửa công trình công cộng tại địa phương cần thông tin đầy đủ, tạo điều kiện cho người dân tham gia đóng góp ý kiến đối với chủ trương đó và cả quá trình thiết kế công trình, tham gia giám sát việc thực hiện. Người dân sẽ hiểu được ý nghĩa, lợi ích của công trình mang lại sau khi hoàn thành, từ đó sẽ tăng tỷ lệ người dân tham gia đóng góp.  Bên cạnh đó, phải thực hiện đúng các quy định về huy động sự đóng góp tự nguyện; việc đóng góp của người dân phải được ghi chép đầy đủ vào sổ sách.	UBND cấp huyện, cấp xã	Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan
Tỷ lệ người trả lời cho biết đã đóng góp tự nguyện cho một công trình công cộng ở xã/phường nơi sinh sống	0%-100%	50.55%	1%	51.55%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết Ban Thanh tra nhân dân hoặc Ban giám sát đầu tư cộng đồng giám sát việc xây mới/tu sửa công trình	0%-100%	17.28%	1%	18.28%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết đóng góp của họ được ghi chép vào sổ sách của xã/phường	0%-100%	67.01%	1%	68.01%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết đã tham gia vào việc quyết định xây mới/tu sửa công trình công cộng ở xã/phường	0%-100%	44.67%	1%	45.67%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết có tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình thiết kế để xây mới/tu sửa công trình	0%-100%	29.78%	1%	30.78%			
<b>Chỉ số nội dung 2: Công khai, minh bạch</b>	<b>1-10 điểm</b>	<b>4.60</b>	<b>0.17</b>	<b>4.77</b>			

Nội dung	Thang điểm	Kết quả năm 2022	Số điểm tăng tối thiểu	Chỉ tiêu thực hiện năm 2023	Nhiệm vụ/giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
<b>2.1: Tiếp cận thông tin</b>	<b>0.25-2.5 điểm</b>	<b>0.74</b>	<b>0.01</b>	<b>0.75</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện tốt các nội dung công khai và các hình thức công khai theo Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và Luật Tiếp cận thông tin năm 2016.</li> <li>- Tuyên truyền về Trang Thông tin điện tử của địa phương, số điện thoại tiếp nhận thông tin. Đồng thời, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm đầu mối cần xử lý kịp thời các thông tin đã tiếp nhận; phản hồi thông tin về chính sách, pháp luật cho người dân một cách nhanh chóng, chính xác.</li> </ul>	UBND cấp huyện, cấp xã	Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan
Tỷ lệ người trả lời cho biết đã tìm kiếm thông tin về chính sách, pháp luật từ chính quyền địa phương	0%-100%	8.24%	1%	9.24%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết đã nhận được thông tin chính sách, pháp luật từ chính quyền địa phương	0%-100%	6.67%	1%	7.67%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết thông tin chính sách, pháp luật nhận được là hữu ích	0%-100%	8.24%	1%	9.24%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết thông tin về chính sách, pháp luật từ cơ quan chính quyền là đáng tin cậy	0%-100%	6.76%	1%	7.76%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết KHÔNG phải trả chi phí không chính thức mới lấy được thông tin từ chính quyền địa phương	0%-100%	100%	0	100%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết KHÔNG phải chờ đợi quá lâu mới lấy được thông tin từ chính quyền địa phương	0%-100%	100%	0	100%			
<b>2.2: Công khai danh sách hộ nghèo</b>	<b>0.25-2.5 điểm</b>	<b>1.35</b>	<b>0.1</b>	<b>1.45</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đúng quy định về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều.</li> <li>- Thông tin cho người dân biết về chuẩn nghèo ở đô thị và nông thôn trên địa bàn Tỉnh; công khai danh sách hộ nghèo 12 tháng qua và các chế độ, chính sách của hộ nghèo được hưởng bằng nhiều hình thức để người dân biết (qua đài, trạm truyền thanh, niêm yết danh sách tại trụ sở UBND cấp xã, tại ấp/khóm,...).</li> <li>- Rà soát, bổ sung những hộ thực tế rất nghèo nhưng chưa được đưa vào danh sách hộ nghèo và đưa ra khỏi danh sách những hộ thực tế không nghèo hoặc đã thoát nghèo; đồng thời, thông tin kịp thời cho người dân biết.</li> </ul>	UBND cấp huyện, cấp xã	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp
Tỷ lệ người trả lời cho biết danh sách hộ nghèo được công bố công khai trong 12 tháng qua	0%-100%	44.32%	1%	45.32%			
Có những hộ thực tế rất nghèo nhưng không được đưa vào danh sách hộ nghèo (% người trả lời cho là đúng)	0%-100%	58.85%	giảm 18%	40.85%			
Có những hộ thực tế không nghèo nhưng lại được đưa vào danh sách hộ nghèo (% người trả lời cho là đúng)	0%-100%	42.41%	giảm 2%	40.41%			
<b>2.3: Công khai thu, chi ngân sách cấp xã/phường</b>	<b>0.25-2.5 điểm</b>	<b>1.20</b>	<b>0.02</b>	<b>1.22</b>	Thực hiện đúng Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày		

Nội dung	Thang điểm	Kết quả năm 2022	Số điểm tăng tối thiểu	Chỉ tiêu thực hiện năm 2023	Nhiệm vụ/giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
Thu chi ngân sách của xã/phường được công bố công khai	0%-100%	31.42%	10%	41.42%	<p>Thực hiện đúng Thông tư số 544/2010/TT-BTC ngày 13/2/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách cấp xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn.</p> <p>- Công bố công khai thu chi ngân sách cấp xã bằng nhiều hình thức (đài, trạm truyền thanh, niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã, tại ấp/khóm,...); bảo đảm tính chính xác của thông tin về thu chi ngân sách đã công bố.</p>	UBND cấp huyện, cấp xã	Sở Tài chính
Tỷ lệ người trả lời cho biết đã từng đọc bảng kê thu chi ngân sách	0%-100%	15.15%	0	15.15%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết họ tin vào tính chính xác của thông tin về thu chi ngân sách đã công bố	0%-100%	79.51%	1%	80.51%			
<b>2.4: Công khai kế hoạch sử dụng đất, bảng giá đất</b>	<b>0.25-2.5 điểm</b>	<b>1.32</b>	<b>0.04</b>	<b>1.36</b>	<p>- Thực hiện đúng các quy định về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.</p> <p>- Thông tin cho người dân biết về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hiện thời của cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh bằng nhiều hình thức (đài, trạm truyền thanh, công khai tại trụ sở UBND cấp xã, tại ấp/khóm,...); thực hiện lấy ý kiến đóng góp của người dân về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và thông tin cho người dân về việc tiếp thu các ý kiến đóng góp của họ.</p> <p>- Công tác thu hồi, đền bù bảo đảm đúng quy định: Thông báo cho người dân biết về mục đích sử dụng đất khi thực hiện thu hồi đất; đất bị thu hồi được sử dụng đúng với mục đích quy hoạch ban đầu. Bảo đảm công tác thu hồi, đền bù không ảnh hưởng bất lợi đến cuộc sống của người dân.</p> <p>- Thông tin cho người dân biết về việc Bảng giá đất hằng năm sau khi được UBND Tỉnh ban hành được niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã, Cổng Thông tin điện tử của Tỉnh, Trang Thông tin điện tử của ngành và các hình thức khác.</p> <p>- Công khai thông tin về quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn mới.</p>	UBND cấp huyện, cấp xã	Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng
Tỷ lệ người trả lời được biết về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hiện thời của địa phương	0%-100%	9.71%	1%	10.71%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết họ có dịp góp ý kiến cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương	0%-100%	1.73%	1%	2.73%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết chính quyền địa phương đã tiếp thu ý kiến đóng góp của người dân cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	0%-100%	95.10%	0	95.10%			
Ảnh hưởng của kế hoạch/quy hoạch sử dụng đất tới hộ gia đình (1=Không có ảnh hưởng gì, 2=Bất lợi; 3=Có lợi)	1-3 điểm	2.30	0.1	2.40			
Tỷ lệ người trả lời cho biết hộ gia đình không bị thu hồi đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gần đây	0%-100%	87.90%	0	87.90%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết hộ gia đình bị thu hồi đất được đền bù với giá xấp xỉ giá thị trường	0%-100%	59.17%	0	59.17%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết khi bị thu hồi đất, gia đình được thông báo cụ thể về mục đích sử dụng đất mới	0%-100%	90.26%	1%	91.26%			

Nội dung	Thang điểm	Kết quả năm 2022	Số điểm tăng tối thiểu	Chỉ tiêu thực hiện năm 2023	Nhiệm vụ/giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
Tỷ lệ người trả lời cho biết đất bị thu hồi hiện đang được sử dụng đúng với mục đích quy hoạch ban đầu	0%-100%	83.33%	1%	84.33%			
Tỷ lệ người trả lời biết nơi cung cấp thông tin bảng giá đất được chính thức ban hành ở địa phương	0%-100%	48.04%	10%	58.04%			
<b>Chỉ số nội dung 3: Trách nhiệm giải trình với người dân</b>	<b>1-10 điểm</b>	<b>4.24</b>	<b>0.10</b>	<b>4.34</b>			
<b>3.1: Hiệu quả tương tác với các cấp chính quyền</b>	<b>0.33-3.33 điểm</b>	<b>2.17</b>	<b>0.03</b>	<b>2.20</b>	<p>- Tuyên truyền cho công dân biết về Tổng đài 1022, đây là nơi tiếp nhận, xử lý và trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp có liên quan đến quá trình giải quyết thủ tục hành chính ở cả 3 cấp (tỉnh, huyện, xã), các vấn đề về kinh tế - xã hội, dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích,...</p> <p>- Nâng cao trách nhiệm giải trình với người dân đối với các vấn đề dân sinh, các khúc mắc trong đời sống hằng ngày.</p> <p>- Khuyến khích người dân tham gia góp ý xây dựng chính quyền. Lắng nghe, tiếp thu các đóng góp, phản ánh của người dân.</p> <p>- Thực hiện tốt chế độ tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với Nhân dân thông qua các buổi tiếp xúc cử tri và chế độ tiếp công dân định kỳ theo quy định; nghiêm túc tiếp thu ý kiến phê bình, góp ý của Nhân dân về công tác quản lý, điều hành, về thái độ và phong cách làm việc của cán bộ, công chức ở cơ sở, bằng nhiều hình thức tiếp xúc, đối thoại như: Tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với Nhân dân, Chương trình đối thoại với Nhân dân trên sóng phát thanh...</p>	UBND cấp huyện, cấp xã	Các sở, ngành Tỉnh; Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp; Văn phòng UBND Tỉnh
Tỷ lệ người trả lời cho biết họ đã liên hệ với trường thôn, ấp, khóm/tổ trưởng tổ dân phố để giải quyết khúc mắc	0%-100%	38.90%	0	38.90%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết cuộc gặp với trường thôn, ấp, khóm/tổ trưởng tổ dân phố để giải quyết khúc mắc có kết quả tốt	0%-100%	93.64%	1%	94.64%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết họ đã liên hệ cán bộ UBND xã/phường để giải quyết khúc mắc	0%-100%	30.42%	0	30.42%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết cuộc gặp với cán bộ UBND xã/phường để giải quyết khúc mắc có kết quả tốt	0%-100%	96.96%	1%	97.96%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết họ đã liên hệ cán bộ đoàn thể để giải quyết khúc mắc	0%-100%	15.81%	0	15.81%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết cuộc gặp với cán bộ đoàn thể để giải quyết khúc mắc có kết quả tốt	0%-100%	100%	0	100%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết họ đã liên hệ cán bộ HĐND xã/phường để giải quyết khúc mắc	0%-100%	7.56%	0	7.56%			

Nội dung	Thang điểm	Kết quả năm 2022	Số điểm tăng tối thiểu	Chỉ tiêu thực hiện năm 2023	Nhiệm vụ/giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
Tỷ lệ người trả lời cho biết cuộc gặp với cán bộ HĐND xã/phường để giải quyết khúc mắc có kết quả tốt	0%-100%	100%	0	100%			
<b>3.2: Giải đáp khiếu nại, tố cáo, khúc mắc của người dân</b>	<b>0.33-3.33 điểm</b>	<b>0.44</b>	<b>0.02</b>	<b>0.46</b>	Chính quyền địa phương tích cực, chủ động: - Thực hiện tốt Luật Khiếu nại, Luật tố cáo; Luật Tiếp công dân. - Thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết tốt những khúc mắc của người dân. - Gặp gỡ, tiếp xúc với người dân thông qua các cuộc họp dân thường xuyên hoặc bất thường. - Tiếp thu và phúc đáp đầy đủ những đề xuất, kiến nghị của người dân.	UBND cấp huyện, cấp xã	Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp
Tỷ lệ người trả lời cho biết họ đã gửi khuyến nghị, tố giác, tố cáo, khiếu nại tới chính quyền địa phương	0%-100%	15.54%	0	15.54%			
Tỷ lệ người trả lời đã gửi khuyến nghị, tố giác, tố cáo, khiếu nại cho biết đã được chính quyền phúc đáp thỏa đáng	0%-100%	15.37%	1%	16.37%			
<b>3.3: Tiếp cận dịch vụ tư pháp</b>	<b>0.33-3.33 điểm</b>	<b>1.62</b>	<b>0.05</b>	<b>1.67</b>	- Tạo điều kiện để Ban Thanh tra nhân dân ở cấp xã hoạt động hiệu quả, đi vào thực chất, nhất là trong thực hiện các nhiệm vụ được giao như: Giám sát việc thực hiện chính sách; bảo đảm các khiếu nại, tố cáo được giải quyết và giám sát việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở xã, phường, thị trấn. - Thông tin, tuyên truyền để người dân biết về tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Thanh tra nhân dân được Nhân dân bầu. - UBND các cấp bảo đảm cơ sở vật chất, các điều kiện khác nhằm nâng cao chất lượng tiếp cận pháp luật của người dân tại địa phương, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.	UBND cấp huyện, cấp xã	Sở Tư pháp; Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp
Tỷ lệ người trả lời tin vào tòa án và các cơ quan tư pháp địa phương	0%-100%	83.21%	1%	84.21%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết sẽ sử dụng tòa án địa phương khi có tranh chấp dân sự	0%-100%	58.32%	2%	60.32%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết sẽ sử dụng các biện pháp phi tòa án khi có tranh chấp dân sự	0%-100%	14.89%	0	14.89%			
<b>Chỉ số nội dung 4: Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công</b>	<b>1-10 điểm</b>	<b>6.63</b>	<b>0.08</b>	<b>6.71</b>			
<b>4.1: Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền</b>	<b>0.25-2.5 điểm</b>	<b>1.57</b>	<b>0.02</b>	<b>1.59</b>			
Tỷ lệ người trả lời cho biết cán bộ chính quyền KHÔNG dùng tiền công quỹ vào mục đích riêng	0%-100%	61.11%	0	61.11%			

Nội dung	Thang điểm	Kết quả năm 2022	Số điểm tăng tối thiểu	Chỉ tiêu thực hiện năm 2023	Nhiệm vụ/giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
Tỷ lệ người trả lời cho biết người dân KHÔNG phải chi thêm tiền để được nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	0%-100%	58.55%	2%	60.55%	Tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Đồng thời, thông tin tuyên truyền đến người dân về trách nhiệm của đội ngũ công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp và quyền, trách nhiệm của người dân khi thực hiện thủ tục hành chính.	UBND cấp huyện, cấp xã	Thanh tra Tỉnh, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và môi trường, Sở Xây dựng
Tỷ lệ người trả lời cho biết người dân KHÔNG phải chi thêm tiền để nhận được giấy phép xây dựng	0%-100%	56.76%	2%	58.76%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết người dân KHÔNG phải chi thêm tiền cho cán bộ khi làm chứng thực, xác nhận	0%-100%	24.66%	2%	26.66%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết người dân KHÔNG phải chi thêm tiền khi làm thủ tục hành chính ở Ủy ban nhân dân cấp xã	0%-100%	30.43%	2%	32.43%			
<b>4.2: Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công</b>	<b>0.25-2.5 điểm</b>	<b>1.94</b>	<b>0.03</b>	<b>1.97</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với lĩnh vực y tế: Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác quản lý, điều hành cơ sở khám, chữa bệnh. Trong đó, tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm; tuyên truyền, bồi dưỡng về y đức, quy tắc ứng xử, đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của nhân viên y tế; tuyên truyền các hình thức tiếp nhận ý kiến, phản ánh, kiến nghị của người dân khi sử dụng dịch vụ.</li> <li>- Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác quản lý, điều hành cơ sở giáo dục tiểu học công lập. Trong đó, tăng cường thanh tra, kiểm tra; tuyên truyền các kênh tiếp nhận thông tin của người dân đối với cơ sở vật chất, chất lượng giáo dục, đội ngũ giáo viên của các trường tiểu học trên địa bàn, xử lý kịp thời các vụ việc, hành vi tiêu cực; tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên tiểu học.</li> </ul>	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo	Thanh tra Tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã
Tỷ lệ người trả lời cho biết người dân KHÔNG phải chi thêm tiền để được quan tâm hơn khi đi khám chữa bệnh	0%-100%	65.14%	1%	66.14%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết phụ huynh học sinh tiểu học KHÔNG phải chi thêm tiền để con em được quan tâm hơn	0%-100%	65.63%	1%	66.63%			
<b>4.3: Công bằng trong tuyển dụng vào nhà nước</b>	<b>0.25-2.5 điểm</b>	<b>1.24</b>	<b>0.01</b>	<b>1.25</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện công tác tuyển dụng người vào làm việc trong cơ quan nhà nước phải bảo đảm nguyên tắc: Công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.</li> <li>- Tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.</li> </ul>	Các sở, ngành Tỉnh; Sở Nội vụ; UBND cấp huyện	Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan
Tỷ lệ người trả lời cho biết KHÔNG phải đưa tiền ‘lót tay’ để xin được việc làm trong cơ quan nhà nước	0%-100%	57.64%	2%	59.64%			

Nội dung	Thang điểm	Kết quả năm 2022	Số điểm tăng tối thiểu	Chỉ tiêu thực hiện năm 2023	Nhiệm vụ/giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
Mối quan hệ cá nhân với người có chức quyền là không quan trọng khi xin vào làm 1 trong số 5 vị trí được hỏi (0=rất quan trọng; 5=không quan trọng chút nào)	0-5 điểm	1.53	0.03	1.56			
<b>4.4: Quyết tâm chống tham nhũng</b>	<b>0.25-2.5 điểm</b>	<b>1.88</b>	<b>0.02</b>	<b>1.90</b>	- Tuyên truyền để người dân biết về Luật Phòng, chống tham nhũng để mạnh dạn tố cáo hành vi vi phạm, đòi hỏi lộ. - Chính quyền quyết tâm phòng, chống tham nhũng và xử lý nghiêm túc vụ việc tham nhũng ở địa phương.	Thanh tra Tỉnh	Tỉnh; Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp; UBND cấp huyện, cấp xã
Tỷ lệ người dân cho biết KHÔNG bị vòi vĩnh đòi hỏi lộ trong 12 tháng vừa qua	0%-100%	94.74%	1%	95.74%			
Tỷ lệ người dân cho biết chính quyền tỉnh/thành phố đã xử lý nghiêm túc vụ việc tham nhũng ở địa phương	0%-100%	36.28%	1%	37.28%			
Mức tiền đòi hỏi lộ người dân bắt đầu tố cáo (đơn vị 1000 VNĐ)	0-150,000VNĐ	29,452	giảm 10.000	19,452			
Người bị vòi vĩnh đã tố cáo hành vi đòi hỏi lộ	0%-100%	0%	0	0%			
Tỷ lệ người làm thủ tục sổ đỏ đã phải 'chung chi'	0%-100%	31.96%	giảm 1%	30.96%			
Tỷ lệ người dân (có người thân hoặc bản thân) đi điều trị ở bệnh viện tuyến huyện/quận đã phải 'chung chi'	0%-100%	43.25%	giảm 3%	40.25%			
<b>Chỉ số nội dung 5: Thủ tục hành chính công</b>	<b>1-10 điểm</b>	<b>7.58</b>	<b>0.15</b>	<b>7.73</b>			
<b>5.1: Chứng thực, xác nhận</b>	<b>0.33-3.33 điểm</b>	<b>2.49</b>	<b>0.08</b>	<b>2.57</b>			
Tỷ lệ người dân đã làm thủ tục lấy chứng thực, xác nhận của chính quyền	0%-100%	26.53%	0	26.53%			
Tổng chất lượng dịch vụ chứng thực, xác nhận của chính quyền (4 tiêu chí)	0-4 điểm	3.94	0.06	4.00			
Mức độ hài lòng với dịch vụ nhận được (5 điểm)	1-5 điểm	4.39	0.09	4.48			
<b>5.2: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</b>	<b>0.33-3.33 điểm</b>	<b>2.54</b>	<b>0.06</b>	<b>2.60</b>			

Nội dung	Thang điểm	Kết quả năm 2022	Số điểm tăng tối thiểu	Chỉ tiêu thực hiện năm 2023	Nhiệm vụ/giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
Tỷ lệ người dân cho biết hộ gia đình đã xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	0%-100%	11.02%	0	11.02%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện tốt việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông;</li> <li>- Thực hiện tốt việc niêm yết công khai quy trình giải quyết các thủ tục hành chính và các mức phí, lệ phí phải nộp;</li> <li>- Tăng cường tuyên truyền về hiệu quả của công tác cải cách thủ tục hành chính hiện nay. Quan tâm tăng cường tuyên truyền và hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính;</li> <li>- Nâng cao trình độ, kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giải quyết thủ tục hành chính;</li> <li>- Quan tâm hơn nữa việc tiếp nhận, xử lý các phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức;</li> <li>- Tiếp tục quan tâm rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính;</li> <li>- Thực hiện tốt việc gửi thư xin lỗi đối với những hồ sơ trễ hẹn và quá hạn.</li> </ul>	UBND cấp huyện và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, cấp xã	Văn phòng UBND Tỉnh, các sở, ngành Tỉnh
Tỷ lệ người đi làm thủ tục cho biết không phải đi qua nhiều 'cửa' để làm xong các thủ tục liên quan đến giấy CNQSD đất	0%-100%	79.89%	10%	89.89%			
Tỷ lệ người đi làm thủ tục cho biết đã nhận được kết quả liên quan đến giấy CNQSD đất	0%-100%	93.30%	0	93.30%			
Tổng chất lượng dịch vụ hành chính về thủ tục liên quan đến giấy CNQSD đất (4 tiêu chí)	0-4 điểm	3.79	0.1	3.89			
Mức độ hài lòng với dịch vụ nhận được (5 điểm)	1-5 điểm	4.54	0.06	4.60			
<b>5.3: Thủ tục hành chính cấp xã/phường</b>	<b>0.33-3.33 điểm</b>	<b>2.55</b>	<b>0.01</b>	<b>2.56</b>			
Tỷ lệ người dân cho biết hộ gia đình/bản thân đã làm thủ tục hành chính ở UBND xã/phường/thị trấn	0%-100%	35.77%	0	35.77%			
Tỷ lệ người đi làm thủ tục cho biết không phải đi qua nhiều 'cửa' để làm xong thủ tục	0%-100%	97.01%	1%	98.01%			
Tổng chất lượng dịch vụ hành chính của UBND xã/phường/thị trấn (4 tiêu chí)	0-4 điểm	3.26	0.04	3.30			
Mức độ hài lòng với dịch vụ nhận được (5 điểm)	1-5 điểm	4.26	0.06	4.32			
<b>Chỉ số nội dung 6: Cung ứng dịch vụ công</b>	<b>1-10 điểm</b>	<b>7.37</b>	<b>0.08</b>	<b>7.45</b>			
<b>6.1: Y tế công lập</b>	<b>0.25-2.5 điểm</b>	<b>2.02</b>	<b>0.03</b>	<b>2.05</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tin, tuyên truyền về quy định trẻ em dưới 6 tuổi được miễn phí khám chữa bệnh, người nghèo được hỗ trợ mua bảo hiểm y tế, tác dụng của thẻ bảo hiểm y tế trong khám, chữa bệnh;</li> </ul>		
Tỷ lệ người được hỏi có bảo hiểm y tế	0%-100%	91.30%	1%	92.30%			

Nội dung	Thang điểm	Kết quả năm 2022	Số điểm tăng tối thiểu	Chỉ tiêu thực hiện năm 2023	Nhiệm vụ/giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
Tác dụng của thẻ bảo hiểm y tế (1=Không có tác dụng, 4=Có tác dụng rất tốt)	0-4 điểm	3.56	0.04	3.60	- Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh tại bệnh viện tuyến huyện; - Thực hiện các giải pháp khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong ngành;	Sở Y tế	Bảo hiểm xã hội Tỉnh; UBND cấp huyện
Dịch vụ khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ dưới 6 tuổi (1=Rất kém; 5=Rất tốt)	0-5 điểm	4.25	0.24	4.49	- Cải thiện các điều kiện cơ sở vật chất cơ bản phục vụ người dân (thực hiện theo Quyết định số 6858/QĐ-BYT ngày 18/11/2016 về Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam) như sau: - Người bệnh điều trị nội trú được nằm một người một giường; - Người bệnh được sử dụng buồng vệ sinh sạch sẽ và đầy đủ các phương tiện; - Người bệnh được cung cấp vật dụng cá nhân đầy đủ, sạch sẽ, chất lượng tốt; - Người bệnh được hưởng các tiện nghi bảo đảm sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm lý; - Người khuyết tật được tiếp cận đầy đủ với các khoa, phòng và dịch vụ khám, chữa bệnh trong bệnh viện.		
Tỷ lệ người được hỏi cho biết người nghèo được hỗ trợ để mua bảo hiểm y tế	0%-100%	79.69%	1%	80.69%			
Tỷ lệ người được hỏi cho biết trẻ em dưới 6 tuổi được miễn phí khám chữa bệnh	0%-100%	79.92%	1%	80.92%			
Tổng chất lượng bệnh viện tuyến huyện/quận (10 tiêu chí)	1-10 điểm	5.93	0.5	6.43			
<b>6.2: Giáo dục tiểu học công lập</b>	<b>0.25-2.5 điểm</b>	<b>1.34</b>	<b>0.03</b>	<b>1.37</b>	- Tuyên truyền về quy định miễn học phí cho học sinh tiểu học công lập tại địa phương (không kể những khoản đóng góp xây dựng trường và các khoản đóng góp theo quy định). - Nâng cao chất lượng dạy và học giáo dục tiểu học công lập. - Khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong ngành. - Tăng cường mối liên hệ chặt chẽ giữa nhà trường và phụ huynh học sinh. - Cải thiện các điều kiện cơ sở vật chất cơ bản phục vụ dạy và học trong nhà trường. - Tổ chức khảo sát đo lường sự hài lòng của phụ huynh học sinh và người dân đối với chất lượng giáo dục ở các trường tiểu học công lập.	Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp huyện, cấp xã	Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan
Quãng đường đi bộ tới trường (KM – theo giá trị trung vị)	Tối thiểu - Tối đa	1.00	0	1			
Quãng thời gian tới trường (PHÚT – theo giá trị trung vị)	Tối thiểu - Tối đa	10.00	0	10			
Nhận xét về chất lượng dạy học của trường tiểu học công lập (1=Rất kém; 5=Rất tốt)	0-5 điểm	4.23	0.03	4.26			
Tổng chất lượng trường tiểu học tại địa bàn xã/phường (8 tiêu chí)	0-8 điểm	3.42	0.04	3.46			
<b>6.3: Cơ sở hạ tầng căn bản</b>	<b>0.25-2.5 điểm</b>	<b>2.11</b>	<b>0.01</b>	<b>2.12</b>			
Tỷ lệ người được hỏi cho biết hộ gia đình đã dùng điện lưới	0%-100%	96.88%	0	96.88%			

Nội dung	Thang điểm	Kết quả năm 2022	Số điểm tăng tối thiểu	Chỉ tiêu thực hiện năm 2023	Nhiệm vụ/giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
Tỷ lệ người được hỏi cho biết hộ gia đình không bị cắt/cúp điện trong 12 tháng qua	0%-100%	26.08%	0	26.08%	- Bảo đảm cung cấp đầy đủ các điều kiện sống cơ bản cho người dân như: Điện sinh hoạt; đường giao thông nông thôn được trải nhựa; nước sạch cho sinh hoạt tối tận nhà; bảo đảm dịch vụ thu gom rác thải thường xuyên (hàng ngày). - Tuyên truyền ý thức bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng vệ sinh môi trường; tuyên truyền ý thức bảo vệ sức khỏe cho người dân.	UBND cấp huyện, cấp xã	Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường
Loại đường giao thông gần hộ gia đình nhất (1=Đường đất; 4=Đường trải nhựa)	1-4 điểm	3.47	0	3.47			
Mức độ thường xuyên của dịch vụ thu gom rác thải của chính quyền địa phương (0=Không có; 4=Hàng ngày)	0-4 điểm	2.26	0.3	2.56			
Tỷ lệ người được hỏi cho biết hộ gia đình mình dùng nước máy là nguồn nước ăn uống chính (%) (5=Trạm cấp nước tập trung; 6=nước máy về tận nhà)	0%-100%	85.62%	1%	86.62%			
Tỷ lệ người được hỏi cho biết hộ gia đình mình dùng nước chưa hợp vệ sinh (1=Nước mưa; 2=Nước sông/hồ/suối)	0%-100%	0.08%	giảm 0,08%	0%			
<b>6.4: An ninh, trật tự</b>	<b>0.25-2.5 điểm</b>	<b>1.90</b>	<b>0.01</b>	<b>1.91</b>	- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động thực hiện các chương trình phối hợp hoạt động giữa chính quyền cơ sở, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong công tác xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh. - Tăng cường các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự tại địa bàn dân cư, ngăn chặn hiệu quả các loại tội phạm: Trộm cắp xe, móc túi, cướp giật tài sản, trộm đột nhập vào nhà, hành hung.	Công an Tỉnh	UBND cấp huyện, cấp xã
Mức độ an toàn, trật tự ở địa bàn đang sinh sống (1=Rất không an toàn; 3=Rất an toàn)	1-3 điểm	2.31	0.03	2.34			
Tỷ lệ người được hỏi cho biết có thay đổi về mức độ an ninh theo hướng tốt lên sau 3 năm	0%-100%	8.44%	0	8.44%			
Tỷ lệ người được hỏi cho biết là nạn nhân của một trong 4 loại tội phạm về an ninh, trật tự	0%-100%	9.87	giảm 1	8.87			
Cảm thấy an toàn khi đi bộ một mình vào ban ngày (3=rất an toàn)	1-3 điểm	2.34	0.02	2.36			
Cảm thấy an toàn khi đi bộ một mình vào ban đêm (3=rất an toàn)	1-3 điểm	1.89	0	1.89			
<b>Chỉ số nội dung 7: Quản trị môi trường</b>	<b>1-10 điểm</b>	<b>4.63</b>	<b>0.06</b>	<b>4.69</b>			
<b>7.1: Nghiêm túc trong bảo vệ môi trường</b>	<b>0.33-3.33 điểm</b>	<b>0.99</b>	<b>0.01</b>	<b>1</b>			

Nội dung	Thang điểm	Kết quả năm 2022	Số điểm tăng tối thiểu	Chỉ tiêu thực hiện năm 2023	Nhiệm vụ/giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
Tỷ lệ người trả lời cho biết doanh nghiệp tại địa phương KHÔNG đưa hối lộ để trốn tránh nghĩa vụ bảo vệ môi trường	0%-100%	54.60%	1%	55.60%	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 06/3/2017 của UBND Tỉnh thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.</li> <li>Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền về bảo vệ môi trường; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, phổ biến các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và khí tượng thủy văn cho các cán bộ phụ trách các cấp và chủ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục xây dựng, duy trì và nhân rộng các mô hình bảo vệ môi trường, mô hình tự quản về bảo vệ môi trường hiệu quả ở địa phương.</li> </ul>	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND cấp huyện, cấp xã
Tỷ lệ người trả lời cho biết bảo vệ môi trường cần được ưu tiên hơn phát triển kinh tế bằng mọi giá	0%-100%	58.09%	5%	63.09%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết họ đã báo cáo và yêu cầu xử lý sự cố/vấn đề môi trường ở địa phương	0%-100%	88.93%	7%	95.93%			
Cơ quan chức năng của chính quyền địa phương đã giải quyết sự cố/vấn đề môi trường được thông báo	0%-100%	62.95%	10%	72.95%			
<b>7.2: Chất lượng không khí</b>	<b>0.33-3.33 điểm</b>	<b>1.89</b>	<b>0.02</b>	<b>1.91</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Triển khai, vận hành hiệu quả Hệ thống tiếp nhận, tích hợp và công bố dữ liệu quan trắc môi trường tỉnh Đồng Tháp (giám sát chất lượng nước thải tự động đối với các cơ sở có lưu lượng xả thải từ 1.000 m3/ngày đêm trở lên).</li> <li>Xây dựng và triển khai thực hiện các biện pháp phân loại rác thải, thu gom, xử lý các loại chất thải phát sinh trên địa bàn tỉnh. Tập trung thực hiện các giải pháp để nâng cao tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải y tế, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại, chất thải trong nông nghiệp, nông thôn phát sinh.</li> <li>Vận hành hoạt động các khu xử lý rác tập trung đã đầu tư theo quy hoạch; đồng thời, tiến hành các thủ tục đóng cửa các bãi rác tạm, nằm ngoài quy hoạch.</li> <li>Bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản.</li> <li>Tuyên truyền ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, các biện pháp phân loại rác thải; tuyên truyền ý thức bảo vệ sức khỏe cho người dân.</li> </ul>	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND cấp huyện, cấp xã
Tỷ lệ người trả lời cho biết không phải đeo khẩu trang để tránh ô nhiễm không khí khi đi lại ở địa bàn nơi cư trú	0%-100%	15.63%	0	15.63%			
Tỷ lệ người trả lời đánh giá chất lượng không khí nơi cư trú đủ tốt	0%-100%	91.28%	2%	93.28%			
Tỷ lệ người trả lời cho rằng chất lượng không khí ở địa phương tốt hơn 3 năm trước	0%-100%	48.69%	0	48.69%			
<b>7.3: Chất lượng nước</b>	<b>0.33-3.33 điểm</b>	<b>1.75</b>	<b>0.03</b>	<b>1.78</b>			
Nước từ sông/kênh/rạch/suối gần nhà đủ sạch để uống	0%-100%	21.28%	0	21.28%			
Nước từ sông/kênh/rạch/suối gần nhà đủ sạch để giặt giũ	0%-100%	58.78%	2%	60.78%			
Nước từ sông/kênh/rạch/suối gần nhà đủ sạch để bơi lội	0%-100%	61.57%	1%	62.57%			
<b>Chỉ số nội dung 8: Quản trị điện tử</b>	<b>1-10 điểm</b>	<b>2.76</b>	<b>0.22</b>	<b>2.98</b>			
<b>8.1: Sử dụng cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương</b>	<b>0.33-3.33 điểm</b>	<b>0.40</b>	<b>0.04</b>	<b>0.44</b>			

Nội dung	Thang điểm	Kết quả năm 2022	Số điểm tăng tối thiểu	Chỉ tiêu thực hiện năm 2023	Nhiệm vụ/giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
Tỷ lệ người trả lời cho biết đã lấy đủ thông tin chỉ dẫn và biểu mẫu cần thực hiện từ cổng thông tin điện tử địa phương khi làm chứng thực, xác nhận	0%-100%	4.12%	2%	6.12%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyên truyền và hướng dẫn cho người dân biết cách sử dụng Cổng Thông tin điện tử Tỉnh và các Trang Thông tin điện tử của địa phương, trong đó có việc đăng tải lấy ý kiến người dân về các dự thảo chính sách, pháp luật. Thông tin trên Cổng/Trang Thông tin điện tử phải rõ ràng, dễ hiểu; giao diện bố cục hợp lý, dễ nhìn.</li> <li>- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền và tổ chức tập huấn cho người dân biết sử dụng Internet.</li> <li>- Tăng cường các phương thức tương tác với người dân qua ứng dụng các phần mềm công nghệ thông tin bảo đảm thuận tiện, kịp thời, chất lượng và hiệu quả cao.</li> <li>- Triển khai hiệu quả việc thực hiện Chính quyền điện tử trên địa bàn Tỉnh.</li> </ul>	Sở Thông tin và truyền thông	UBND cấp xã, UBND cấp huyện, Văn phòng UBND Tỉnh (Cổng TTĐT)
Tỷ lệ người trả lời cho biết đã lấy đủ thông tin chỉ dẫn và biểu mẫu cần thực hiện từ cổng thông tin điện tử địa phương khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	0%-100%	0.82%	2%	2.82%			
<b>8.2: Tiếp cận và sử dụng Internet tại địa phương</b>	<b>0.33-3.33 điểm</b>	<b>1.94</b>	<b>0.16</b>	<b>2.10</b>			
Tỷ lệ người trả lời tiếp cận tin tức trong nước qua Internet	0%-100%	47.27%	10%	57.27%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết có kết nối Internet tại nhà	0%-100%	61.28%	1%	62.28%			
<b>8.3: Phục đáp qua cổng thông tin điện tử</b>	<b>0.33-3.33 điểm</b>	<b>0.42</b>	<b>0.02</b>	<b>0.44</b>			
Tỷ lệ người trả lời cho biết đã sử dụng công dịch vụ công trực tuyến ở địa phương khi làm thủ tục hành chính do cấp xã/phường thực hiện	0%-100%	2.73%	2%	4.73%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết cổng thông tin điện tử của tỉnh, thành phố dễ sử dụng cho tra cứu thông tin	0%-100%	20.82%	2%	22.82%			
Tỷ lệ người trả lời cho biết chính quyền địa phương có đăng tải dự thảo chính sách, pháp luật lên cổng thông tin điện tử để lấy ý kiến nhân dân	0%-100%	58.15%	1%	59.15%			